

CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (ĐỢT 5)

(Kèm theo Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Phong Thổ)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Mã Chương trình MTQG	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú	
								Số Quyết định phê duyệt (ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
										NSTW	NSDP		Nguồn vốn huy động	NSTW		NSDP		NSTW
A	Nguồn vốn NSTW thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia							14.532.000.000	14.160.000.000	-	372.000.000	10.440.000.000	10.440.000.000	-	4.720.000.000	4.720.000.000	-	
I	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững							6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	
-	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTBT THCS Ma Ly Pho, xã Ma Ly Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	xã Ma Li Pho	Huyện Phong Thổ	8047146	070-073	00471	2023-2025	2157-03/8/2023	6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	CĐT: Ban QLDA
II	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							8.532.000.000	8.160.000.000	-	372.000.000	4.440.000.000	4.440.000.000	-	4.220.000.000	4.220.000.000	-	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt							4.092.000.000	3.720.000.000	-	372.000.000	-	-	-	3.720.000.000	3.720.000.000	-	Chi tiết tại phụ lục 02
-	Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở	14 xã trên địa bàn huyện	Huyện Phong Thổ			00511	2023		4.092.000.000	3.720.000.000					3.720.000.000	3.720.000.000		
2	Dự án 5 - Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường PTDT có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTST							4.440.000.000	4.440.000.000	-	-	4.440.000.000	4.440.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	
-	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Lán Nhi Thăng, xã Lán Nhi Thăng, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	xã Lán Nhi Thăng	Huyện Phong Thổ	8047147	070-073	00515	2023-2025	2152-03/8/2023	4.440.000.000	4.440.000.000					500.000.000	500.000.000		CĐT: Ban QLDA
B	Nguồn vốn ngân sách địa phương							11.800.000.000	-	11.800.000.000	-	11.800.000.000	-	11.800.000.000	2.780.217.292	-	2.780.217.292	
I	Nguồn tăng thu NS huyện năm 2022							6.800.000.000	-	6.800.000.000	-	6.800.000.000	-	6.800.000.000	1.681.217.292	-	1.681.217.292	
-	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa chợ trung tâm thị trấn huyện Phong Thổ (giai đoạn 2)	Thị trấn Phong Thổ	Huyện Phong Thổ	8020504	280-321		2023-2023	171-28.2.2023	2.500.000.000		2.500.000.000			2.500.000.000	400.000.000		400.000.000	

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Mã Chương trình MTQG	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
								Số Quyết định phê duyệt (ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
										NSTW	NSDP	Nguồn vốn huy động		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	
-	Phổ đi bộ thị trấn Phong Thổ	Thị trấn Phong Thổ	Huyện Phong Thổ	8031674	280-312		2023-2023	776-15/5/2023	3.200.000.000		3.200.000.000		3.200.000.000		3.200.000.000	881.217.292		881217292	CĐT: Ban QLDA
-	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy khu hợp khối trung tâm Hội nghị văn hóa huyện và trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Phong Thổ	Thị trấn Phong Thổ	Huyện Phong Thổ	8020512	280-338		2023-2023	178-28/02/2023	1.100.000.000		1.100.000.000		1.100.000.000		1.100.000.000	400.000.000		400.000.000	
II	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên								5.000.000.000	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000	1.099.000.000	-	1.099.000.000	CĐT: Ban QLDA
-	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở Huyện ủy - khối đoàn thể huyện Phong Thổ	Thị trấn Phong Thổ	Huyện Phong Thổ	7890340	280-338		2021-2023	4496-07/12/2020	5.000.000.000		5.000.000.000		5.000.000.000		5.000.000.000	1.099.000.000		1.099.000.000	
	TỔNG CỘNG								26.332.000.000	14.160.000.000	11.800.000.000	372.000.000	22.240.000.000	10.440.000.000	11.800.000.000	7.500.217.292	4.720.000.000	2.780.217.292	

PHỤ LỤC CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2023 THỰC HIỆN NỘI DUNG SỐ 02 - DỰ ÁN 1 CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐBĐT THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHONG THỔ

(Kèm theo Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Phong Thổ)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Dự án, tiểu dự án	Số hộ được hỗ trợ	Định mức phân bổ nguồn vốn NSTW (Triệu đồng/hộ)	Kinh phí phân bổ	Ghi chú
1	2	3	4	5=3x4	6
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	93	40.000.000	3.720.000.000	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	93	40.000.000	3.720.000.000	
-	Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở	93	40.000.000	3.720.000.000	
1	xã Ma Li Pho	1	40.000.000	40.000.000	
2	xã Sin Suối Hồ	8	40.000.000	320.000.000	
3	xã Sì Lở Lầu	11	40.000.000	440.000.000	
4	xã Đào San	9	40.000.000	360.000.000	
5	xã Mù Sang	7	40.000.000	280.000.000	
6	xã Nậm Xe	8	40.000.000	320.000.000	
7	xã Pa Vây Sừ	8	40.000.000	320.000.000	
8	xã Mường So	5	40.000.000	200.000.000	
9	xã Vàng Mai Chải	5	40.000.000	200.000.000	
10	xã Bản Lang	8	40.000.000	320.000.000	
11	xã Lán Nhì Thàng	5	40.000.000	200.000.000	
12	xã Tung Qua Lìn	8	40.000.000	320.000.000	
13	xã Mò Sì San	5	40.000.000	200.000.000	
14	xã Huổi Luông	5	40.000.000	200.000.000	

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Phong Thổ)

STT	Dự án, tiểu dự án	Đơn vị thực hiện	Kinh phí đã phân bổ tại QĐ 309/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của UBND huyện	Số điều chỉnh		Số vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tăng (+)	Giảm (-)		
1	2	3	3	5	6	7	8
I	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		2.400	1.100	-1.200	1.700	
1	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em		2.400	1.100	-1.200	1.700	
a	Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em: Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số.	Phòng Dân tộc	200		-200		
b	Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em: Triển khai 04 gói hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em.	Trung tâm Y tế	800		-800		
c	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (giao UBND các xã thực hiện)		700		-100		
-	xã Sin Suối Hồ	UBND xã Sin Suối Hồ	50	108		158	
-	xã Sì Lở Lầu	UBND xã Sì Lở Lầu	50	85		135	
-	xã Đào San	UBND xã Đào San	50	96		146	
-	xã Mù Sang	UBND xã Mù Sang	50	100		150	
-	xã Nậm Xe	UBND xã Nậm Xe	50	159		209	
-	xã Pa Vây Sừ	UBND xã Pa Vây Sừ	50	66		116	
-	xã Vàng Mai Chải	UBND xã Vàng Ma Chải	50	76		126	
-	xã Bản Lang	UBND xã Bản Lang	50	136		186	
-	xã Lán Nhi Thàng	UBND xã Lán Nhi Thàng	50	86		136	
-	xã Tung Qua Lìn	UBND xã Tung Qua Lìn	50	55		105	
-	xã Mỏ Sì San	UBND xã Mỏ Sì San	50	45		95	
-	xã Hoang Thèn	UBND xã Hoang Thèn	50	88		138	
-	xã Khổng Lào	UBND xã Khổng Lào	50		-50	-	
-	Thị trấn	UBND thị trấn	50		-50	-	